**Đánh giá hiệu quả các mô hình kinh tế vườn tại xã Thượng Lộ, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế**

**Nguyễn Ngọc Đàn\*, Mai Văn Chân\*, Lê Văn Tin\*, Nguyễn Đăng Độ,**

**Lê Phúc Chi Lăng\*, Nguyễn Thị Minh Hương\*, Trần Thị Cẩm Tú\*,**

**Cao Thị Hoa\*, Trần Văn Phẩm\***

\* *Khoa Địa lý, Trường ĐH Sư phạm, Đại học Huế*

***Abstract:*** *Evaluating the effectiveness of garden economic models in Thuong Lo commune, Nam Dong district, Thua Thien Hue province to examine and identify garden economic models for sustainable development and help households perform well models to develop production and diversify livelihoods in the context of increasingly complex climate change. This article focuses on assessing the advantages and disadvantages of ecological and natural features and the effectiveness of garden economic models based on three socio-economic and environmental criteria. The combined assessment results show that the sustainability of the horticultural economic models in the study area ranges from quite to high, of which the high level of sustainability has 01 models and the quiet level of sustainability is 04 models.*

***Keywords:*** *garden economic model, eco-economic model, Thuong Lo commune*

**1. Đặt vấn đề**

Các hoạt động kinh tế chủ yếu của xã Thượng Lộ là sản xuất nông nghiệp với điều kiện về địa hình, đất đai, nguồn nước, thời tiết có nhiều bất lợi, trình độ của một bộ phận người dân còn hạn chế, các phương thức sản xuất, canh tác nông nghiệp chủ yếu là thủ công, năng suất thấp, sản lượng thiếu ổn định, hay gặp rủi ro [1]. Một trong những vấn đề cần quan tâm là từng bước xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế sinh thái thúc đẩy phát triển bền vững KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi[2].

Do đó, việc xây dựng các mô hình kinh tế sinh thái này không nhữn sẽ góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống người dân miền núi mà còn có ý nghĩa về mặt an ninh quốc phòng.

**2. Nội dung nghiên cứu**

***2.1. Phương pháp nghiên cứu***

*PP thu thập, phân tích và xử lí số liệu:* Thu thập, phân tích, xử lý tư liệu, số liệu từ các cơ quan ban ngành bao gồm các tư liệu và bản về các điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội; các thông tin về kinh tế - xã hội,… xã Thượng Lộ.

*Phương pháp điều tra xã hội học:* Trong PP này, tác giả sử dụng công thức Slovin (1984) để xác định số lượng mẫu khảo sát:

Trong đó, n: Kich thước số mẫu cần xác định; N: quy mô tổng thể;e: sai số cho phép. Thường ba tỷ lệ sai số hay sử dụng là: ±01 (1%), ±0.05 (5%), ±0.1 (10%), trong đó mức phổ biến nhất là ±0.05.do số lượng ít hơn 10000 nên và để tăng thêm tính chính xác và thuận tiện cho quá trình điều tra và xử lý số liệu nên tác giả tiến hành khảo sát với số lượng là 186 mẫu.

-PP đánh giá nhanh nông thôn có sự tham gia của người dân (PRA): Phương pháp PRA nhằm tìm hiểu nhận thức và hiểu biết của cộng đồng về các vấn đề xây dựng các mô hình sinh kế.

*PP chuyên gia:* Sử dụng PP hệ chuyên gia để trả lời các câu hỏi về mức độ hơn kém giữa các tiêu chí. Nhóm tác giả gửi phiếu điều tra cho 06 chuyên gia, xin ý kiến về các yếu tố và trọng số của các yếu tố.

*PP thực địa:* Khảo sát thực địa, tìm hiểu thực trạng hoạt động sản xuất, các nguồn vốn sinh kế, các hoạt động kinh tế vườn, kiểm tra đối chiếu với các tài liệu về tự nhiên, kinh tế - xã hội, tình hình sử dụng đất trên thực địa.

*Phương pháp đánh giá hiệu quả sử dụng các mô hình sinh kế:* Áp dụng phương pháp đánh giá hiệu quả kinh tế cho cây trồng theo Cẩm nang sử dụng đất tập 2 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2009) [3]:

***a. Hiệu quả khía cạnh kinh tế***

- Giá trị sản xuất: GTSX = Sản lượng sản phẩm × Giá bán.

- Chi phí trung gian: CPTG = CPVC + DVP + LV.

- Giá trị gia tăng: GTGT = GTSX – CPTG

- Hiệu quả đồng vốn: HQĐV = GTGT/CPTG

- Giá trị ngày công: GTNC = GTGT/CLĐ. (bảng 1).

*Bảng 1. Phân cấp chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế của các mô hình*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Cao (H) | Trung bình (M) | Thấp (L) |
| 1 | Giá trị sản xuất | Triệu đ/ha | 200 | 100 - 200 | <100 |
| 2 | Chi phí sản xuất | Triệu đ/ha | > 100 | 40 - 100 | < 40 |
| 3 | Giá trị gia tăng | Triệu đ/ha | >150 | 40 - 150 | <40 |
| 4 | Hiệu quả đồng vốn | Lần | >2,0 | 1,5 - 2,0 | <1,5 |

***b. Hiệu quả xã hội:*** Để đánh giá hiệu quả xã hội của kiểu sử dụng đất, chúng tôi đã sử dụng 3 tiêu chí gồm: Khả năng thu hút lao động; Khả năng đảm bảo đời sống; Sự chấp nhận của người dân với mô hình (bảng 2).

*Bảng 2. Phân cấp các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả xã hội*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Cao (H) | TB (M) | Thấp (L) |
| 1 | Giá trị ngày công | 1000 đồng | > 250 | 150 - 250 | <150 |
| 2 | Công lao động | Công/ha/năm | >700 | 400 - 700 | <400 |
| 3 | Lựa chọn của người dân | % | >70 | 50 - 70 | <50 |

*c. Hiệu quả về môi trường:* Các chỉ tiêu đánh giá được phân chia thành 3 cấp:

*Bảng 3. Các chỉ tiêu phân cấp đánh giá hiệu quả môi trường của các mô hình*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Chỉ tiêu | Cao (H) | Tb (M) | Thấp (L) |
| 1 | Mức độ duy trì và cải thiện độ phì đất | Cao | Trung bình | Thấp |
| 2 | Khả năng chống ô nhiễm môi trường | Cao | Trung bình | Thấp |
| 3 | Khả năng bảo vệ nguồn nước | Cao | Trung bình | Thấp |
| 4 | Khả năng giảm áp lực lên rừng | Cao | Trung bình | Thấp |

***d. Đánh giá tính bền vững của các mô hình kinh tế sinh thái***

\* Xây dựng công cụ đánh giá

- Bộ chỉ tiêu đánh giá: 3 chỉ tiêu được đưa vào đánh giá với 11 tiêu chí được xác định như sau:

- Các chỉ tiêu đánh giá về kinh tế (4 tiêu chí): (1) Giá trị sản xuất; (2) Chi phí trung gian; (3) Giá trị gia tăng; (4) Tỷ suất giá trị tăng thêm theo chi phí.

- Các chỉ tiêu đánh giá về xã hội (3 tiêu chí): (5) Khả năng thu hút lao động; (6) Khả năng đảm bảo đời sống thể hiện qua giá trị ngày công; (7) Sự chấp nhận của người dân.

- Các chỉ tiêu đánh giá về hiệu quả môi trường (4 tiêu chí): (8) Mức độ duy trì và cải thiện độ phì đất; (9) Khả năng bảo vệ nguồn nước; (10) Khả năng chống ô nhiễm môi trường; (11) Khả năng giảm áp lực lên rừng.

\* Phương pháp đánh giá khả năng bền vững của các mô hình

Mỗi tiêu chí cho 1 điểm với trọng số khác nhau:

+ Các tiêu chí thuộc hệ số 3 (4 tiêu chí): Giá trị gia tăng; Hiệu quả đồng vốn; Sự lựa chọn của người dân; Khả năng bảo vệ đất.

+ Các tiêu chí thuộc hệ số 2 (3 tiêu chí): Giá trị sản xuất; Giá trị ngày công; Khả năng giảm áp lực lên rừng.

+ Các tiêu chí thuộc hệ số 1 (4 tiêu chí): Chi phí sản xuất; Công lao động; Khả năng bảo vệ nguồn nước; Khả năng chống ô nhiễm môi trường.

- Cách tính điểm cho mỗi tiêu chí:

+ Thang điểm để đánh giá cho tiêu chí thu nhập của mỗi mô hình bất kì trong số 05 mô hình đánh giá là: 2,4,6,8,10.

- Xác định khoảng điểm cho các mức độ bền vững của mô hình: Mỗi tiêu chí có điểm cao nhất là 10 điểm nhân với trọng số của 11 tiêu chí. Như vậy, điểm cao nhất một mô hình có thể đạt được là 220 điểm. Có 4 mức độ bền vững phân cách điểm theo các khoảng đều nhau: Mức bền vững cao (1): Từ 165 - 220 điểm; Mức khá (2): Từ 110 - dưới 165 điểm; Mức trung bình (3): Từ 55 - dưới 110 điểm; Mức thấp (4): Từ 1 - dưới 55 điểm.

**2.2. Kết quả nghiên cứu**

*2.2.1. Khái quát khu vực nghiên cứu*

Thượng Lộ là một xã miền núi của huyện Nam Đông. Tổng diện tích tự nhiên của xã là 10.646 ha, trong đó đất sản xuất nông nghiệp chiếm 93%, đất phi nông nghiệp chiếm 1,9%, đất chưa sử dụng chiếm 5,1% tổng diện tích đất tự nhiên [4]. Đơn vị hành chính gồm 3 thôn: thôn Cha Măng, Ria Hố và Dỗi. Địa hình của xã chủ yếu là đồi núi. Gồm 3 kiểu hình chính sau: kiểu địa hình thung lũng; kiểu địa hình vùng núi thấp; kiểu hình vùng núi trung bình[1].

*2.2.2. Kết quả điều tra khảo sát các mô hình kinh tế vườn vườn xã**Thượng Lộ*

Qua khảo sát thực tế cho thấy các loại mô hình kinh kế vườn tại khu vực nghiên cứu khá đa dạng, đã đem lại những kết quả nhất định, góp phần tạo công ăn việc làm, từng bước ổn định đời sống và giảm nghèo cho các hộ gia đình trên địa bàn xã. Cụ thể, về hình kinh tế vườn trên địa bàn có 5 loại mô hình kinh tế sinh thái chính: (01) Cam Nam Đông (02) trồng Dứa Cayen, (03) Mít Thái, (04) Chuối tiêu, (05) Rau màu (bảng 4).

Tổng diện tích vườn toàn xã năm 2021 hiện có 26,5 ha, trong đó diện tích vườn nhà là 23 ha, diện tích vườn đồi 3,5 ha; bình quân diện tích vườn mỗi hộ 761m2. Tổng số hộ có vườn là 327/348 hộ[6].

*2.2.3. Đánh giá tính ưu việt dạng mô hình kinh tế vườn tại xã Thượng Lộ*

Nhóm nghiên cứu đã tiến hành trưng cầu ý kiến các chuyên gia bao gồm các chuyên gia về mô hình kinh tế sinh thái, hộ dân, cán bộ nông nghiệp địa phương về tính ưu việt của từng dạng mô hình dựa trên công thức (1). Sau đó sử dụng công thức (2) để tính tính ưu việt của từng tiêu chí.

**Cj =**  (1)

trong đó: Ckj: điểm “chuyên gia” thứ k đánh giá tiêu chí j; Nj: số “số chuyên gia” cho điểm tiêu chí j; k=1,n (n: chuyên gia; n: từ 1 -> 40); j=1,m (m: tiêu chí; m: từ 1 ->10)

**Sj =**  (2)

trong đó: Sj: tổng điểm đánh giá các tiêu chí j; Cj: Tổng số điểm từ tiêu chí i -> j; i=1,n (n: số điểm đánh giá; n: từ 0 -> 10); j=1,m (m: tiêu chí; m: từ 1 ->10). Tiêu chí càng cao thì tiêu chí đó mang tính ưu việt càng nhiều và ngược lại. Tương tự cho tổng điểm đánh giá 10 tiêu chí của từng dạng mô hình càng cao thì tính ưu việt của mô hình đó càng lớn.

Kết quả đánh giá tổng hợp cho thấy, mô hình trồng cam và rau màu có tổng điểm cao nhất (79/100 điểm), kế đến mô hình trồng dứ và chuối (77/100 điểm) và thấp nhất là mô hình trồng chuối (76/100 điểm). Tuy nhiên, con số trên cũng chỉ mang tính tương đối, cần nghiên cứu phân tích sâu hơn bởi mỗi dạng mô hình có tính ưu việt nổi bật khác nhau tùy vào tiêu chí xem xét và khả năng về tài chính, nguồn nhân lực của từng hộ.

*2.2.4. Đánh giá tổng hợp các mô hình kinh tế vườn tại địa bàn nghiên cứu*

*a. Hiệu quả về mặt kinh tế*

*Bảng 4. Hiệu quả kinh tế của các mô hình kinh tế vườn xã Thượng Lộ*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Kiểu mô hình kinh tế vườn** | Giá trị SX (triệu đồng/ha) | Chi phí SX  (triệu đồng/ha) | Giá trị gia tăng (tr đồng/ha) | Hiệu suất đồng vốn (lần) |
| Cam Nam Đông | 270 | 95 | 175 | 1.84 |
| Dứa Cayen | 220.3 | 75.1 | 145.2 | 1.93 |
| Chuối | 170.7 | 64.4 | 106.3 | 1.65 |
| Mít thái | 270 | 100.5 | 169.5 | 1.68 |
| Rau các loại | 100 | 33.8 | 66.2 | 1.95 |

Kết quả cho thấy: Trong 5 dạng mô hình, mô hình cam Nam Đông cho hiệu quả cao nhất với giá trị gia tăng đạt 175 triệu đồng/ha và hiệu quả đồng vốn là 1,84 lần. Sở dĩ có được lợi nhuận cao như vậy là do mô hình này vì Cam là loại cây trồng thích nghi với điều kiện tự nhiên ở Nam Đông, sinh trưởng và phát triển tốt, chất lượng quả thơm ngon. Kế đến là các mô hình Dứa, chuối và mít thái cho thu nhập trung bình khá với gí trị gia tăng trung bình từ 100 - 170 triệu/ năm, hiệu quả đồng vốn khá. Mô hình này dễ thực hiện, nhưng phụ thuộc yếu tố thị trường bên ngoài. Mô hình rau các loại cho thu nhập trung bình thấp nhất trong các nhóm mô hình, tuy nhiên xét về hiệu quả đồng vốn thì mô hình này lại cho hiệu suất đồng vốn rất cao, và mô hình này có đặc điểm là dễ làm, tạo thu nhập ổn định và ít chịu ảnh hưởng của thị trường bên ngoài.

Tóm lại, hiệu quả kinh tế của các mô hình phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố như mô hình áp dụng, nguồn vốn đầu tư, quy mô diện tích, điều kiện đất đai, địa hình, địa mạo, giống vật nuôi và cây trồng, kĩ thuật canh tác, nguồn nhân lực ... Do vậy, mỗi dạng mô hình trên đây đều có thể đem lại hiệu quả kinh tế cao nếu các nông hộ biết cách canh tác, khai thác và sử dụng một cách hợp lí.

*b. Hiệu quả về mặt xã hội của các mô hình kinh tế vườn*

Hiệu quả rõ nhất là giải quyết công ăn việc làm cho người dân địa phương, vừa tạo điều kiện tăng thu nhập cho nông hộ, lại hạn chế được tệ nạn xã hội như cờ bạc, rượu chè,…Việc phát triển kinh tế theo hướng sinh thái còn tạo điều kiện cho các nông hộ có điều kiện giao lưu, tham quan học hỏi và trao đổi kinh nghiệm trong sản xuất nông lâm nghiệp.

*c. Hiệu quả về môi trường của các mô hình kinh tế vườn*

Nhóm mô hình kinh tế vườn duy trì và cải thiện tốt độ phì đất, đảm bảo việc bảo vệ và tích tụ nguồn nước,chống ô nhiễm môi trường, đảm bảo nguồn không khí trong lành tại địa phương. Điều dễ dàng nhận thấy là rừng tái sinh và rừng trồng đã dần phủ xanh khắp xã.

*2.2.5. Đánh giá tổng hợp tính bền vững của các mô hình kinh tế vườn*

Áp dụng phương pháp đánh giá tính bền vững của các mô hình sinh kế đã đề xuất ở trên, nhóm nghiên cứu đã tổng hợp bảng kết quả đánh gia như sau:

*Bảng 5. Kết quả đánh giá tính bền vững của các các mô hình kinh tế vườn ở các xã Thượng Lộ, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Kiểu mô hình kinh tế** | Tổng điểm | **Mức độ bền vững** |
|
| Cam Nam Đông | 180 | Cao |
| Dứa Cayen | 120 | Khá |
| Chuối | 110 | Khá |
| Mít thái | 136 | Khá |
| Rau màu | 114 | Khá |

Kết quả đánh giá cho thấy tính bền vững của các dạng mô hình có sự khác biệt: Mức độ cao có 01 mô hình gồm: cam Nam Đông; Mức độ khá gồm 04 mô hình còn lại, và không có mô hình nào ở mức độ thấp. Kết quả này sẽ giúp các cán bộ địa phương có cơ sở trong việc hoạch định chính sách phát triển KTXH của xã và là tài liệu tham khảo để các hộ nông dân đưa ra quyết định trong việc lựa chọn mô hình sinh kế bền vững phù hợp với đặc điểm hộ dân.

**3.** **Kết luận**

Các mô hình kinh tế vườn giúp người dân thay đổi và hoàn thiện tập quán canh tác, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với đặc điển tự nhiên kinh tế của xã từng bước nâng cao năng suất và sản lượng cây trồng, vật nuôi, có thể đưa kinh tế nông nghiệp của xã miền núi Thượng Lộ mang tính chất hộ gia đình sang hình thức hợp tác xã,…

Kết quả đánh giá cho thấy tính bền vững của các dạng mô hình có sự khác biệt: Mức độ cao có 01 mô hình (Nam Đông); Mức độ khá gồm 04 mô hình còn lại, và không có mô hình ở mức độ thấp. Kết quả này sẽ giúp các cán bộ địa phương có cơ sở trong việc hoạch định chính sách phát triển KTXH của xã và là tài liệu tham khảo để các hộ nông dân đưa ra quyết định trong việc lựa chọn mô hình sinh kế bền vững phù hợp với đặc điểm của mỗi gia đình.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Trang thông tin điện tử: thuonglo.thuathienhue.gov.vn.
2. Thủ tướng Chính phủ (2022). Phê duyệt chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quyết định Số: 150/QĐ-TTg, Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2022.
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2009), Cẩm nang sử dụng đất tập 2, Hà Nội.
4. UBND Xã Thượng Lộ. Báo cáo xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020, 2021. Thượng Lộ, 2021.
5. UBND Xã Thượng Lộ. Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2022. Thượng Lộ, 2022.
6. HĐND xã Thượng lộ (2021). Kết quả thực hiện Đề án phát triển kinh tế vườn giai đoạn năm 2017-2021. Thượng Lộ 2022.
7. Nguyễn Hoàng Sơn &nnc. Đánh giá hiệu quả các mô hình sử dụng đất nông nghiệp tại các xã bãi ngang ven biển huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.